TÒA ÁN NHÂN DÂN **THNH PHỐ N** TỈNH N	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số 80 /2022 /QĐCNTTLH	*TP.N, ngày 29 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN THAM GIA HÒA GIẢI TẠI TÒA ÁN

- Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
- Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Đức T.

Sau khi nghiên cứu đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 7 năm 2022 tại Hồ sơ Hòa giải đối thoại tại Tòa án số 116/2022/HNGĐ ngày 29/7/2022 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa:

- **Người khởi kiện**: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987.

Nơi ĐKHKTT: Số nH 147, đường T, phố P 2, phường Nam T , tHnh phố N, tỉnh N.

Tạm trú: Thôn Đ, xã N , tHnh phố N, tỉnh N.

- **Người bị kiện**: anh Trịnh Đức T, sinh năm 1965.

Nơi ĐKHKTT và địa chi hiện nay: Số nH 147, đường T, phố P 2, phường N, tHnh phố N, tỉnh N.

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 9 năm 2022 về thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải.
- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật hòa giải đối thoại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 9 năm 2022 có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 13 tháng 9 năm 2022 cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Đức T được tự do tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam THnh ngày 27/5/2010 Đến nay anh chị đều xác định vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục chung sống cùng với nhau được nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Đức T có hai con chung là cháu Trịnh Huyền L và cháu Trịnh Mai L đều sinh ngày 06/8/2010. Khi ly hôn anh chị thống nhất giao cho anh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cả hai cháu. Về phần cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.000.000đồng (*một triệu đồng)* kể từ tháng 10/2022 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị H được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hnh án của người được thi Hnh án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hnh án) cho đến khi thi Hnh án xong, bên phải thi Hnh còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hnh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung : Chị Nguyễn Thị H và anh Trịnh Đức T đều xác định vợ chồng tự giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và được thi Hnh theo quy định của pháp luật về thi Hnh án dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bên tham gia hòa giải.
- VKSND THnh phố N;
- TAND tỉnh N
- Chi cục THADS THnh phố NB;
- UBND xã phường
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Thị Bích T